TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/KDTM-PT
Ngày: 18/02/2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán: Bà Hà Thanh Thủy

Ông Lê Công Toại

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trần Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/KDTMPT ngày 04 tháng 11 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận 9 bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6066/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 272/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần EW

Địa chỉ: Lô 15, khu công nghiệp M, huyện M1, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị D là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 0012/2020/ EW-HCM ngày 03/01/2020. (có mặt)

Địa chỉ: 39Bis đường C, phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần TS

Địa chỉ: 51 đường L, phường L1, Quận L2, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Khắc M, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 01/2020/ UQ ngày 02/01/2020. (có mặt)

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần TS.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần EW trình bày:

Ngày 27 tháng 09 năm 2012, Công ty Cổ phần EW (Tên cũ: Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa CA) - (gọi tắt là Công ty EW) và Công ty Cổ phần TS (Tên cũ: Công ty Cổ phần Tập đoàn HA) - (Gọi tắt là Công ty TS) ký hợp đồng số 1217088/912037/DA về việc cung cấp và lắp đặt cửa sổ, cửa đi và vách ngăn để trang bị cho công trình Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển BAG. Giá trị Hợp đồng là 1.353.732.951 đồng. Thực hiện Hợp đồng, Công ty EW đã sản xuất, lắp đặt và bàn giao 100% hạng mục công trình cho Công ty TS đưa vào sử dụng. Ngày 29/07/2013, các bên ký Biên bản nghiệm thu thanh quyết toán số 1217088/912037/DA xác định:

- Tổng giá trị hợp đồng là 1.353. 732.951 đồng
- Tổng giá trị phải thanh toán: 1.330.176.581 đồng.
- Giá trị đã thanh toán là: 1.084.000.000 đồng.
- Giá trị còn phải thanh toán: 246.176.581 đồng.

Công ty EW đã yêu cầu nhiều lần nhưng Công ty TS không thực hiện việc thanh toán nên Công ty EW khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty TS phải trả số tiền còn thiếu là 246.176.581 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi đối với khoản tiền nêu trên.

Bị đơn - Công ty TS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 31/2019/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn là Công ty Cổ phần EW đối với bị đơn là Công ty Cổ phần TS.

Về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty Cổ phần TS phải trả cho Công ty Cổ phần EW số tiền 246.176.581 (Hai trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi mốt) đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần TS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 12.308.829 (mười hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn tám trăm hai mươi chín) đồng.

Công ty Cổ phần EW không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần EW số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.154.414 (sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm mười bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003684 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 10 năm 2019 bị đơn - Công ty TS đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 27 tháng 9 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 83/QĐKNPT-VS-DS Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm; Ngày 04 tháng 10 năm 2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 534/QĐKNPT-VS-DS Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 26/9/2019 Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định số 89/2019/QĐ-SCBSBA Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của bị đơn - Công ty Cổ phần TS trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện tống đạt hợp lệ nên Công ty TS không biết nguyên đơn khởi kiện. Tại tòa người đại diện theo ủy quyền của công ty TS xác nhận số tiền còn nợ đúng như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn phải giảm số tiền vì chưa xuất hóa đơn VAT cho Công ty TS. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn.

Đại diện nguyên đơn Công ty Cổ phần EW trình bày: Nguyên đơn không có ý kiến đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận 9 và Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Yêu cầu được giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quyết định kháng nghị và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Quá trình từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi phát sinh, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nhưng phần quyết định Tòa án cấp

sơ thẩm không nêu căn cứ Điều 50 Luật Thương mại 2005 là thiếu sót. Mặt khác việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định phần tiền lãi trong giai đoạn thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo Điều 306 Luật Thương mại là không phù hợp với qui định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong bản án, quyết định của Tòa án. Đề nghị tòa án không chấp nhận quyết định sửa đổi bổ sung của tòa án cấp sơ thẩm và chấp nhận kháng nghị, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày của đương sự kháng cáo và các đương sự liên quan đến kháng cáo, sau khi nghe kiểm sát viên trình bày về nội dung kháng nghị và các căn cứ của việc kháng nghị, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty TS cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở xác định vào ngày 27/9/2012, Công ty EWvà Công ty TS đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 1217088/912037/DA về việc mua bán hàng hóa theo đó Công ty Cổ phần EW cung cấp và lắp đặt cửa sổ, cửa đi và vách ngăn để trang bị cho công trình Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển BAG. Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình số HĐ: 1217088/912037/DA/SRLX ngày 29/7/2013 do nguyên đơn xuất trình, có đủ cơ sở xác định Công ty EW đã sản xuất, lắp đặt và bàn giao 100% hạng mục công trình cho Công ty TS đưa vào sử dụng và Công ty TS còn nợ Công ty EW số tiền 246.176.581 đồng chưa thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện.

[2] Xét Hợp đồng kinh tế số 1217088/912037/DA ngày 27/9/2012 được ký kết giữa Công ty EW và Công ty TS là hợp pháp, hoàn toàn tự nguyện, các bên phải có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đã thỏa thuận tại hợp đồng. Do Công ty TS vi phạm hợp đồng về thanh toán nên Công ty EW khởi kiện yêu cầu Công ty TS thanh toán số tiền là đúng quy định pháp luật, phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 1217088/912037/DA ngày 27/9/2012 và phù hợp với Điều 50 Luật Thương mại 2005.

[3] Xét mặc dù tại Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình số HĐ: 1217088/912037/DA/SRLX ngày 29/7/2013 bị đơn xác nhận số tiền còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 246.176.581 đồng và thỏa thuận trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu quyết toán công trình phải thanh toán nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Tại tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có thiện chí đối với bị đơn. Như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

buộc bị đơn Công ty TS phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 246.176.581 đồng là có căn cứ và đã có lợi cho Công ty TS. Tại phiên tòa, đại diện của bị đơn cho rằng tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt cho bị đơn nhưng qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ thể hiện tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty TS nên lời trình bày nêu trên của bị đơn là không có cơ sở.

[4] Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của Công ty TS là không có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TS không được chấp nhận.

[5] Căn cứ khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 qui định: "sau khi tuyên án xong thì không được sữa chữa, bổ sung bản án, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai" do đó Quyết định số 89/2019/QĐ-SCBSBA ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 9 ra Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm là không đúng nên không được được chấp nhận.

[6] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện việc giao dịch mua bán giữa hai bên đương sự là giao dịch giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, tại tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn công ty TS thanh toán tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi phát sinh. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nhưng phần quyết định Tòa án cấp sơ thẩm không nêu căn cứ Điều 50 Luật Thương mại 2005 là thiếu sót, vi phạm điểm c Khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[7] Xét tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: "Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả." .Việc tòa án cấp sơ thẩm quyết định tiền lãi trong giai đoạn thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo qui định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 là phù hợp vì đây là vụ án kinh doanh thương mại, trong vụ án này các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi. Do đó nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải áp dụng Điều 306 Luật thương mại 2005. Tuy nhiên, Bản án cấp sơ thẩm không viện dẫn đầy đủ thời gian phải trả lãi là " Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần EW (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty Cổ phần EW) cho đến khi thi hành xong" và không viện dẫn điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao làm căn cứ để quyết định phần lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án là có thiếu sót nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án, bổ sung điều luật áp dụng nêu trên phù hợp quy định pháp luật.

[8] Do sửa án sơ thẩm nên Công ty TS không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần TS.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 83/QĐKNPT-VS-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 và một phần Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 534/QĐKNPT-VS-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019,

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 31/2019/KDTM-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 9.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 273, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2009/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn- Công ty Cổ phần EW: Buộc Công ty Cổ phần TS phải thanh toán cho Công ty Cổ phần EW số tiền 246.176.581 (Hai trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi mốt) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần EW (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty Cổ phần EW) cho đến khi thi hành xong, Công ty Cổ phần TS không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty Cổ phần TS còn phải trả cho Công ty Cổ phần EW khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần TS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 12.308.829 (mười hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn tám trăm hai mươi chín) đồng.

Công ty Cổ phần EW không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần EW số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.154.414 (sáu triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm mười bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003684 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9.

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần TS số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0026681 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 9.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 9;
- Chi cục THADS Quận 9;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Chinh

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Chinh